

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

- Tên môn học: **Kỹ thuật Hóa dược**  
*(Pharmaceutical Chemistry Technology)*
- Tên học phần: **Kỹ thuật Hóa dược**  
*(Pharmaceutical Chemistry Technology)*
- Mã học phần: .....
- Khoa phụ trách: Công nghệ hóa dược
- Bộ môn giảng dạy chính: Kỹ thuật hóa dược và chiết xuất
- Bộ môn phối hợp:
- Đào tạo trình độ: Đại học
- Ngành học: Dược học
- Khóa học: K74
- Định hướng: Công nghiệp Dược
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Số tín chỉ: 03

| Kiến thức đại cương      |                          | Kiến thức cơ sở ngành    |                          | Kiến thức ngành và chuyên ngành     |                                     |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> |                          | <input type="checkbox"/> |                          | <input checked="" type="checkbox"/> |                                     |
| Bắt buộc                 | <input type="checkbox"/> | Tự chọn                  | <input type="checkbox"/> | Bắt buộc                            | <input checked="" type="checkbox"/> |

Tổng số giờ học trên lớp (tính theo giờ chuẩn):

| Tổng số | Lý thuyết | Bài tập | Thực hành | Seminar |
|---------|-----------|---------|-----------|---------|
| 45      | 33        | 0       | 12        | 0       |

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước: Hóa dược 1, 2; Hóa hữu cơ 1, 2; Hóa phân tích 1, 2; Hóa lý dược

## **2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần Kỹ thuật Hóa dược 03 tín chỉ, là học phần bắt buộc giảng dạy cho sinh viên theo học chương trình đào tạo ngành Dược học, trình độ đại học, định hướng Công nghiệp Dược. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ thuật cơ bản về sản xuất nguyên liệu làm thuốc bằng phương pháp tổng hợp hóa học: Lý thuyết về các phản ứng dùng trong kỹ thuật tổng hợp hóa dược, phương pháp tổng hợp một số nhóm Hóa dược chính; thực hành sản xuất một số nguyên liệu hóa dược vô cơ, hữu cơ. Bên cạnh đó người học còn được trang bị khả năng lập kế hoạch, quản lý các nguồn lực và giám sát việc thực hiện quy trình tổng hợp nguyên liệu làm thuốc.

## **3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

### **3.1. Chuẩn đầu ra học phần**

CLO1: Phân tích được một số quá trình hóa học cơ bản của kỹ thuật tổng hợp hóa dược.

CLO2 : Phân tích được quy trình tổng hợp một số nguyên liệu làm thuốc bằng phương pháp tổng hợp hóa học.

CLO3: Thực hiện chính xác và giải thích được quy trình sản xuất nguyên liệu làm thuốc bằng phương pháp tổng hợp hóa học.

CLO4: Thiết lập được kế hoạch thực hành khoa học, hiệu quả.

### **3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

| Chuẩn đầu ra CTĐT |         | Đóng góp<br>của HP | Chuẩn đầu ra học phần |      |      |      |
|-------------------|---------|--------------------|-----------------------|------|------|------|
| PLO               | PIs     |                    | CLO1                  | CLO2 | CLO3 | CLO4 |
| PLO4              | PI4.1   | M                  |                       |      |      | M    |
| PLO7              | PI7.3   | M/A                | M/A                   |      | M/A  |      |
| PLO10.1           | PLO10.2 |                    |                       | M/A  | M/A  |      |

## **4. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

| Ký hiệu | Thành phần đánh giá | Trọng số | Trọng số con<br>(nếu có) | Nội dung đánh giá              | Hình thức- Phương pháp đánh giá | Công cụ đánh giá | Liên quan đến CDRHP |
|---------|---------------------|----------|--------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------|---------------------|
| A1      | Đánh giá chuyên cần | 0        | 0                        | Tham dự các buổi học lý thuyết | Điểm danh                       |                  |                     |

| Ký hiệu | Thành phần đánh giá   | Trọng số | Trọng số con (nếu có) | Nội dung đánh giá   | Hình thức- Phương pháp đánh giá | Công cụ đánh giá   | Liên quan đến CDRHP |
|---------|-----------------------|----------|-----------------------|---|---------------------------------|--------------------|---------------------|
| A2      | Đánh giá thường xuyên | 15       | 50%                   | Kiến thức cốt lõi từng phần   | Bài kiểm tra ngắn, MCQ          | Đáp án thang điểm  |                     |
|         |                       |          | 50%                   | Đọc tài liệu bằng tiếng anh và tổng hợp tài liệu về kỹ thuật hóa dược   | Bài luận ngắn                   | Rubric             |                     |
| A3      | Đánh giá thực hành    | 35       | 10%                   | Chuẩn bị bài, tác phong, thái độ, chấp hành nội quy phòng thí nghiệm    | Quan sát<br>Đánh giá sản phẩm   | Rubric             | CLO3,<br>CLO4       |
|         |                       |          | 30%                   | Lập kế hoạch, điều phối nguồn lực và giám sát thực hiện                 |                                 |                    |                     |
|         |                       |          | 30%                   | Kỹ năng thực hiện quy trình tổng hợp nguyên liệu làm thuốc ở quy mô lớn |                                 |                    |                     |
|         |                       |          | 30%                   | Giải thích được quy trình thực hành                                     |                                 |                    |                     |
| A6      | Đánh giá cuối kỳ      | 50       | 100%                  | Kiến thức cốt lõi của học phần  | Tự luận                         | Đáp án, thang điểm | CLO1,<br>CLO2       |

## 5. TÀI LIỆU HỌC TẬP

| TT                        | Tác giả  | Năm XB | Sách, giáo trình, bài báo, văn bản  | NXB, tạp chí/ nơi ban hành VB                   |
|---------------------------|--|--------|---|---|
| <b>Giáo trình</b>         |  |        |   |   |
| 1                         | Nguyễn Đình Luyện, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Văn Giang            | 2017   | Kỹ thuật Hóa dược, tập 1  | Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.                     |
| 2                         | Nguyễn Đình Luyện, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Văn Giang            | 2017   | Kỹ thuật Hóa dược, tập 2  | Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.                     |
| 3                         | Bộ môn Công nghiệp Dược (2020)                                 | 2020   | Thực tập Kỹ thuật sản xuất dược phẩm  | Trường Đại học Dược Hà Nội.                     |
| <b>Tài liệu tham khảo</b> |  |        |   |   |
| 4                         | Hội đồng Dược điển Việt Nam (2018)                             | 2018   | Dược điển Việt Nam V  | Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.                     |
| 5                         | Từ Minh Koóng, Đàm Thanh Xuân (2014)                           | 2014   | Cơ sở Công nghệ sinh học trong sản xuất dược phẩm                                     | Trường ĐH Dược Hà Nội.                          |
| 6                         | Kleemann A., Engel J., Kutscher B. and Reichert D. (2009)      | 2009   | Pharmaceutical Substances: Syntheses, Patents, Applications of the most relevant APIs | 5 <sup>th</sup> edition, Thieme.                |
| 7                         | William Andrew Publishing (2007)                               | 2007   | Pharmaceutical Manufacturing Encyclopedia   | 3 <sup>rd</sup> edition.                        |
| 8                         | Bart H.J. and Pilz S. (2011)                                   | 2011   | Industrial Scale Natural Products Extraction  | Wiley-VCH Verlag GmbH & Co. KGaA.               |
| 9                         | Pretsch E., Bühlmann P. and Badertscher M. (2009)              | 2009   | Structure Determination of Organic Compounds: Tables of Spectral Data                 | 4th edition, Springer-Verlag Berlin Heidelberg  |
| 10                        | WileyVCH (2014)  | 2014   | Ullmann's Fine Chemicals  | 3 Volume Set, Wiley-VCH Verlag GmbH & Co. KGaA. |
| 11                        | Chemat F. and Strube J. (2015)                                 | 2015   | Green Extraction of Natural Products: Theory and Practice                             | Wiley-VCH Verlag GmbH & Co. KGaA.               |
| 12                        | Vardanyan R. and Hruby V. (2006)                               | 2006   | Synthesis of Essential Drugs  | Elsevier.                                       |
| 13                        | Li J. J., Johnson D. S., Sliskovic D. R. and Roth B. D. (2004) | 2004   | Contemporary Drug Synthesis   | Wiley-Interscience.                             |

| <b>TT</b>                              | <b>Tác giả</b>                                    | <b>Năm XB</b> | <b>Sách, giáo trình, bài báo, văn bản</b>             | <b>NXB, tạp chí/nơi ban hành VB</b>                        |
|--|---|---------------|---|--|
| 14                                     | Vardanyan R. and Hruby V. (2016)                  | 2016          | <i>Synthesis of Best-Seller Drugs</i>                 | 1 <sup>st</sup> edition, Elsevier.                         |
| 15                                     | Mosier N. S. and Ladisch M. R. (2009)             | 2009          | <i>Modern Biotechnology</i>                           | Wiley  |
| 16                                     | Opara E. C. (2017)                                | 2017          | <i>Cell Microencapsulation: Methods and Protocols</i> | Humana Press (Springer).                                   |
| 17                                     | Stanbury P. F., Whitaker A. and Hall S. J. (2017) | 2017          | <i>Principles of fermentation technology</i>          | Elsevier.  |
| 18                                     | Levin M. (2011)                                   | 2011          | <i>Pharmaceutical Process Scale-Up</i>                | 3 <sup>rd</sup> edition, CRC Press Taylor & Francis Group. |
| <b>Các website, phần mềm: ChemDraw</b> |   |               |   |  |

## **8. NHIỆM VỤ CỦA SINH VIÊN**

Giờ tự học (tối thiểu 30h/1TC): 90 giờ Dự lớp: tối thiểu 80% buổi lý thuyết, 100% buổi thực hành Bài tập/ Tiểu luận (nếu có): không có Thực hành (nếu có): Chuẩn bị bài thực hành theo yêu cầu, trình bày vào vở Phần khác (nếu có, ví dụ: tham quan thực tế): Đọc tài liệu: Đọc trước bài giảng trước khi đến lớp.

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

*Hà Nội, ngày tháng năm*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Hải Nam**

**PHỤ LỤC 3. BẢNG LIÊN KẾT GIỮA PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VỚI CDR HỌC PHẦN**

|      | Phương pháp giảng dạy  |                   |         |           |                    |              | Phương pháp kiểm tra đánh giá |                      |         |   |  |
|------|------------------------|-------------------|---------|-----------|--------------------|--------------|-------------------------------|----------------------|---------|---|--|
|      | Dạy lý thuyết          |                   |         | Thực hành | Dạy học tươn g tác | Tự học       |                               |                      |         |   |  |
|      | Thuyết giảng (lecture) | Giải quyết vấn đề | Hỏi đáp |           |                    | Câu hỏi ngắn | Đánh giá sản phẩm             | Phương pháp quan sát | Tự luận |   |  |
| CLO1 | x                      |                   |         |           | x                  | x            |                               |                      |         | x |  |
| CLO2 | x                      | x                 |         |           | x                  | x            |                               |                      |         | x |  |
| CLO3 |                        |                   |         | x         |                    | x            |                               | x                    | x       |   |  |
| CLO4 |                        |                   |         | x         |                    | x            |                               | x                    | x       |   |  |

(Đánh dấu x vào ô tương ứng)